

GS5 U3 L2 (1)

Bài 1: Chọn từ đúng để hoàn thành câu (Multiple Choice)

Chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D:

1. What _____ she look like?
 - A. do
 - B. does
 - C. is
 - D. are
2. What does he look like? – He _____ tall and slim.
 - A. is
 - B. has
 - C. do
 - D. does
3. What does your sister look like? – She _____ long hair.
 - A. is
 - B. have
 - C. has
 - D. are
4. What does your brother look like? – He is _____ and he has big eyes.
 - A. short hair
 - B. round face
 - C. tall
 - D. glasses

Bài 2: Viết lại câu hoàn chỉnh từ các từ gợi ý (Sentence Building)

Sử dụng các từ cho sẵn để tạo thành câu hoàn chỉnh:

1. What / does / he / look / like / ?



2. She / is / tall / and / slim / .

→ _____

3. What / does / your / mother / look / like / ?

→ _____

4. He / has / short / black / hair / .

→ _____

Bài 3: Hoàn thành đoạn hội thoại (Fill in the blanks)

Điền các từ trong khung vào chỗ trống thích hợp:

[is / does / look / has / short]

A: What (1) _____ she look like?

B: She (2) _____ tall and slim.

A: What does your brother (3) _____ like?

B: He is (4) _____, and he (5) _____ a round face.

Bài 4: Sửa lỗi sai trong các câu sau (Find and correct the errors)

Mỗi câu dưới đây có một lỗi sai. Hãy tìm và sửa lại cho đúng:

1. What **do** she look like?

→ Lỗi sai: do -> Sửa lại: does

2. He **has** tall and slim.

→ Lỗi sai: _____ -> Sửa lại: _____

3. She **is** long hair and big eyes.

→ Lỗi sai: _____ -> Sửa lại: _____

4. What does he **looks** like?

→ Lỗi sai: _____ -> Sửa lại: _____